

Bản án số: 11/2022/KDTM - ST

Ngày: 29/9/2022

V/v: "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Bảo Huyền Trân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2022/TLST-KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng kinh tế" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-KDTM ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Công ty TNHH P (tên cũ là Công ty TNHH B). Trụ sở: Lô B2-3 đường D2, KCN C, xã A, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: ông Trần Tuấn A1 – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: bà Phan Thị Minh B1 và ông Lê Quang T; Địa chỉ liên hệ: Số 129 đường N, phường H, quận C1, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền số 06.06.2022/UQ/TB ngày 13/6/2022 của Tổng Giám đốc Công ty). (Có mặt)

***- Bị đơn:*** Công ty TNHH MTV Đ. Trụ sở: K104/6 đường L, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: bà Lương Anh T1 – chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:* Ngày 03/06/2019, Công ty TNHH B và Công ty TNHH MTV Đ ký kết hợp đồng kinh tế số BB16519/HĐKT có nội dung: Công ty B cung cấp, lắp đặt hoàn chỉnh, vận hành chạy thử và đưa vào sử dụng 01 thang máy hiệu PACIFIC tại Công trình K104/06 đường L, quận K, thành phố Đà Nẵng với tổng giá trị hợp đồng là 434.500.000đ (Bốn trăm ba mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) (đã bao gồm VAT).

Căn cứ theo Hợp đồng, Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B trong vòng 07 ngày theo đúng thời gian sau:

Lần 1: Tạm ứng 40% giá trị hợp đồng, tương đương 173.800.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng), thanh toán ngay sau khi ký hợp đồng. Bên B sẽ tiến hành đặt và sản xuất hàng hóa.

Lần 2: Thanh toán 40% giá trị hợp đồng, tương đương 173.800.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng), thanh toán ngay sau khi bên B chuyển thiết bị đến công trình. Bên B sẽ tiến hành lắp đặt thang máy.

Lần 3: Thanh toán 10% giá trị hợp đồng, tương đương 43.450.000đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), thanh toán ngay sau khi hoàn tất việc lắp đặt, chạy thử và bên B tiến hành kiểm định bàn giao thang máy.

Lần 4: Thanh toán 10% giá trị hợp đồng, tương đương 43.450.000đ ( Bốn mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), thanh toán ngay sau khi vệ sinh, kiểm định thang, hướng dẫn sử dụng và nghiệm thu bàn giao.

Ngày 02/08/2019, Công ty B hoàn thành nghĩa vụ lắp đặt, chạy thử, hướng dẫn sử dụng và hai bên đã tiến hành nghiệm thu thang theo Biên bản nghiệm thu số 01-08.19/VPKV.

Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty B tổng cộng 391.050.000đ tương đương 90% giá trị hợp đồng.

Vào các ngày 10/10/2019, 04/03/2020, 23/04/2020 Công ty B đã gửi đề nghị thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng Công ty Đ không thực hiện, cũng như không có công văn phản hồi. Do vậy, Công ty B làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng buộc Công ty TNHH MTV Đ thanh toán dư nợ như sau: Nợ gốc là 43.450.000đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 09/08/2019 (Sau 07 ngày kể từ ngày nghiệm thu) đến ngày 17/05/2021 với mức lãi suất 10% năm là 7.701.959đ (Bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn chín trăm năm mươi chín đồng). Tổng cộng: 51.151.959đ (Năm mươi một triệu một trăm năm mươi một nghìn chín trăm năm mươi chín đồng).

\*Bị đơn Công ty TNHH MTV Đ đã được Toà án gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng nhưng Công ty TNHH MTV Đ vẫn không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Đ phải trả cho Công ty TNHH P số tiền 53.747.055đ, trong đó: tiền gốc 43.450.000đ; tiền lãi 10.297.055đ là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 140, 141, 144 Luật xây dựng và Điều 468 Bộ luật dân sự .

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, hợp đồng ký kết giữa hai bên đều nhằm mục đích lợi nhuận, theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đương sự xuất trình thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng về cung cấp lắp đặt thang máy. Bị đơn Công ty TNHH MTV Đ có trụ sở tại số K104/6 đường L, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Bị đơn Công ty TNHH MTV Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Công ty TNHH MTV Đ (bên A – sau đây gọi là Công ty Đ) và Công ty TNHH P (Công ty TNHH B – bên B) (sau đây gọi là Công ty P) ký kết Hợp đồng kinh tế số BB16519/HĐKT ngày 03/6/2019 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 01/8/2019 với nội dung thực hiện: Bên B để lắp đặt 01 thang máy hiệu PACIFIC cho bên A, địa điểm lắp đặt: K104/6 đường L, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng với tổng giá trị Hợp đồng là: 434.500.000đ. Việc ký kết các hợp đồng trên giữa các bên được lập thành văn bản, do người có thẩm quyền của hai Công ty đại diện ký kết, sự thỏa thuận giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các

quy định của pháp luật khi giao kết hợp đồng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên là phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý theo quy định pháp luật. Về tư cách pháp nhân trong việc ký kết và thực hiện nội dung của hợp đồng, cả hai Công ty đều tuân thủ các quy định của pháp luật nên đều phải được tôn trọng và thực hiện.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn Công ty Đ phải trả cho Công ty P số tiền 53.747.055đ, trong đó: tiền gốc 43.450.000đ; tiền lãi 10.297.055đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn - Công ty Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đồng thời đối chiếu khoản nợ nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không lý do và cũng không nộp cho Tòa án chứng cứ, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền còn nợ, không tham gia phiên tòa nên xem như bị đơn đã từ bỏ quyền của mình.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 02/8/2019, Công ty P đã hoàn thành nghĩa vụ lắp đặt, chạy thử và hai bên đã tiến hành nghiệm thu thang máy theo biên bản nghiệm thu số 01-08.19/VPKV và Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty P tổng cộng 391.050.000đ tương đương 90% giá trị hợp đồng. Vào các ngày 10/10/2019, 04/01/2020, 23/04/2020 Công ty P đã gửi đề nghị Công ty Đ thanh toán số tiền còn lại là 43.450.000đ nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ việc này mặc dù ghi là hợp đồng kinh tế nhưng thực chất là hợp đồng thi công xây dựng công trình về việc cung cấp lắp đặt thang máy nên cần áp dụng Luật xây dựng và Nghị định 37/2015/NĐ – CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng để làm căn cứ giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng Hợp đồng kinh tế số BB16519/HĐKT ngày 03/6/2019 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 01/8/2019 nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số còn lại là 43.450.000đ tiền là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu lãi suất chậm trả: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm cho số tiền chậm thanh toán tính từ ngày 18/5/2020 đến 30/9/2022 là: 43.450.000đ x 10%/năm x 865 ngày = 10.297.055đ. Xét thấy, mức lãi suất chậm trả mà nguyên đơn yêu cầu thấp hơn

mức lãi suất nợ quá hạn trung bình theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, buộc Công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P tổng số tiền là: 53.747.055đ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc Công ty TNHH MTV Đ phải hoàn trả lại cho Công ty TNHH Thang Máy P chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty TNHH MTV Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Hoàn trả cho Công ty TNHH P số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị định 37/2015/NĐ – CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, Điều 140, Điều 141, Điều 144 Luật xây dựng Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng kinh tế của Công ty TNHH P.

**1.** Buộc Công ty TNHH MTV Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH P tổng số tiền là 53.747.055đ (Năm mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm năm mươi lăm đồng), trong đó số tiền còn lại phải thanh toán là: 43.450.000đ; lãi chậm trả là: 10.297.055đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án không trả khoản tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000đ Công ty TNHH MTV Đ phải chịu. Buộc Công ty TNHH MTV Đ phải hoàn trả lại cho Công ty TNHH P chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV Đ phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo biên lai số: 0002660 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Bảo Huyền Trân**